

ĐỀ THAM KHẢO

(Đề có 02 trang)

Bài 1 (2,25đ): Thực hiện phép tính:

a) $\frac{5}{6} + 1\frac{1}{3} + \frac{-5}{6}$

b) $\left(0,5 - \frac{-3}{2}\right) : \frac{2}{9}$

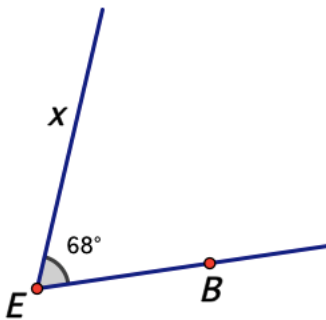
c) $\left(40\% - 1\frac{1}{2}\right) : 0,5 + \left(\frac{-1}{2}\right) \cdot 2$

Bài 2 (2đ): Tìm x biết:

a) $x - \frac{3}{4} = -25\%$

b) $\frac{-6}{x} = \frac{32}{-35}$

Bài 3 (1đ): Cho hình vẽ sau:



a) Kể tên các tia có trong hình ?

b) Góc trong hình có số đo bao nhiêu ?

Bài 4: (1đ) Cửa hàng thời trang có chương trình khuyến mãi giảm giá cho tất cả các sản phẩm. Bạn Vy muốn mua một cái áo có giá niêm yết là 120 000 đồng. Hỏi bạn Vy phải trả bao nhiêu tiền để mua cái áo trên sau khi đã giảm giá 8%?

Bài 5: (1đ) Lớp 6A có 42 học sinh. Trong đó có 14 học sinh thích chơi đá cầu, 16 học sinh thích chơi cầu lông, còn lại thích chơi bóng đá. Hỏi số học sinh thích chơi bóng đá chiếm bao nhiêu phần trăm so với học sinh cả lớp (kết quả làm tròn đến số thập phân hàng thứ hai)?

Bài 6: (1đ) Cho đoạn thẳng $HO = 4\text{cm}$. Gọi điểm C là trung điểm của đoạn thẳng HO. Tính độ dài đoạn thẳng CO ?

Bài 7 (1,25đ): Trong hộp có một số viên phấn vàng, một số viên phấn xanh, một số viên phấn đỏ. Lấy ngẫu nhiên 1 viên phấn từ hộp, xem màu rồi trả lại. Lặp lại hoạt động trên 40 lần, ta được kết quả như sau:

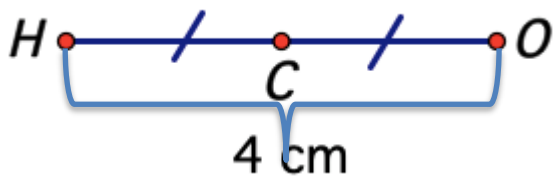
Màu viên phấn	Màu vàng	Màu xanh	Màu đỏ
Số lần	18	5	17

a) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được viên phấn màu xanh (kết quả biểu diễn dưới dạng số thập phân)

b) Em hãy liệt kê 2 trường hợp có thể xảy ra khi lấy 2 viên phấn màu trong hộp ?

Bài 8 (0,5đ): Tính: $A = \frac{4}{35} + \frac{4}{63} + \frac{4}{99} \dots + \frac{4}{255}$

Bài	Nội dung	Điểm
1	a) $\frac{5}{6} + 1\frac{1}{3} + \frac{-5}{6} = \frac{5}{6} + \frac{-5}{6} + \frac{4}{3} = \frac{4}{3}$	
	b) $\left(0,5 - \frac{-3}{2}\right) : \frac{2}{9} = \left(\frac{1}{2} - \frac{-3}{2}\right) \cdot \frac{9}{2} = \frac{4}{2} \cdot \frac{9}{2} = 9$	
	c) $\left(40\% - 1\frac{1}{2}\right) : 0,5 + \left(\frac{-1}{2}\right) \cdot 2$ $= \left(\frac{40}{100} - 1\frac{1}{2}\right) : \frac{1}{2} + (-1)$ $= \left(\frac{2}{5} - 1\frac{1}{2}\right) : \frac{1}{2} + (-1)$ $= \left(\frac{2}{5} - \frac{3}{2}\right) \cdot \frac{2}{1} + (-1) = \left(\frac{4}{10} - \frac{15}{10}\right) \cdot \frac{2}{1} + (-1) = \frac{-11}{10} \cdot \frac{2}{1} + (-1) = \frac{-11}{5} + \frac{-5}{5} = \frac{-16}{5}$	
2	a) $x - \frac{3}{4} = -25\%$ $x = \frac{-25}{100} + \frac{3}{4} = \frac{-1}{4} + \frac{3}{4} = \frac{2}{4} = \frac{1}{2}$	
	b) $\frac{-6}{x} = \frac{32}{-35}$ $\Rightarrow x \cdot 32 = (-6) \cdot (-35)$ $x = \frac{105}{16}$	
3	a) Tia Ex, EB	
	b) Góc xEB = 68°	
4	Số tiền bạn Vy phải trả:	

	$120\,000 \cdot (1-8\%) = 110\,400$ (đồng)	
5	<p>Lớp 6A có 42 học sinh. Trong đó có 14 học sinh thích chơi đá cầu, 16 học sinh thích chơi cầu lông, còn lại thích chơi bóng đá. Hỏi số học sinh thích chơi bóng đá chiếm bao nhiêu phần trăm so với học sinh cả lớp (kết quả làm tròn đến số thập phân hàng thứ hai)?</p> <p>Số học sinh thích chơi bóng đá :</p> $42 - (14+16) = 12$ (học sinh) <p>Tỉ số phần trăm của học sinh thích chơi bóng đá:</p> $12 \cdot 100 : 42 = 28,57 \%$	
6	<p>Cho đoạn thẳng $HO = 4\text{cm}$. Gọi điểm C là trung điểm của đoạn thẳng HO. Tính độ dài đoạn thẳng CO ?</p>  <p>Điểm C là trung điểm của đoạn thẳng HO</p> $\Rightarrow CO = HO : 2 = 4 : 2 = 2$ (cm)	
7	<p>a) xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được viên phấn màu xanh là:</p> $\frac{5}{40} = 0,125$ <p>b) Em hãy liệt kê 2 trường hợp có thể xảy ra khi lấy 2 viên phấn màu trong hộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - TH1. 2 viên phấn màu vàng - TH2. 1 viên phấn màu xanh, 1 viên phấn màu vàng 	

7

$$\begin{aligned} A &= \frac{4}{35} + \frac{4}{63} + \frac{4}{99} \dots + \frac{4}{255} \\ &= \frac{2.2}{5.7} + \frac{2.2}{7.9} + \frac{2.2}{9.11} \dots + \frac{2.2}{15.17} \\ &= 2 \cdot \left(\frac{2}{5.7} + \frac{2}{7.9} + \frac{2}{9.11} \dots + \frac{2}{15.17} \right) \\ &= 2 \cdot \left(\frac{1}{5} - \frac{1}{7} + \frac{1}{7} - \frac{1}{9} + \frac{1}{9} - \frac{1}{11} + \dots + \frac{1}{15} - \frac{1}{17} \right) \\ &= 2 \cdot \left(\frac{1}{5} - \frac{1}{17} \right) = 2 \cdot \left(\frac{17}{85} - \frac{5}{85} \right) = 2 \cdot \frac{12}{85} = \frac{24}{85} \end{aligned}$$

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ HỌC KỲ 2 - MÔN TOÁN – LỚP 6

TT (1)	Chương/Chủ đề (2)	Nội dung/đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá (4-11)				Tổng % điểm (12)
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	PHÂN SỐ	Phép cộng và phép trừ phân số, Hỗn số, số thập phân	1 0,75đ	1 1đ	1 0,5đ	1 0,5đ	27,5%
		Phép nhân và phép chia phân số, Hỗn số, số thập phân	1 1đ	1 1đ			20%
2	Toán thực tế	Bài toán về tỉ số phần trăm	1 1đ				10%
		Tính Tỉ số và tỉ số phần trăm			1 1đ		10%
3	Các hình hình học cơ bản	Đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng		1 1đ			10%
		Góc, số đo góc, các góc đặc biệt	1 0,5đ	1 0,5đ			10%
4	Một số yếu tố xác suất	Phép thử nghiệm, sự kiện, xác suất thực nghiệm	1 0,75đ		1 0,5đ		12,5%
Tổng			5 câu 4 điểm	4 câu 3,5 điểm	3 câu 2 điểm	1 câu 0,5 điểm	13 câu 10 điểm
Tỉ lệ %			40%	35%	22,5%	5%	100%
Tỉ lệ chung			75%		25%		100%

BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ ĐỀ KIỂM TRA KỲ 2 MÔN TOÁN - LỚP 6

TT (1)	Chương/ Chủ đề (2)	Đơn vị kiến thức	Nội dung/đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá (4-11)			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	PHÂN SỐ	Phép cộng và phép trừ phân số, Hỗn số, số thập phân	Nhận biết: - Biết đổi hỗn số, số thập phân thành phân số Thông hiểu: - Biết thực hiện cộng trừ các phân số cùng mẫu, khác mẫu dấu ngược Vận dụng: - Biết đổi hỗn số, phần trăm ra phân số, rồi thực hiện các phép toán cộng, trừ phân số để tìm x Vận dụng cao: - Biết thực hiện bài toán tính một cách hợp lý	1(TL)	1(TL)	1(TL)	1(TL)
		Phép nhân và phép chia phân số, Hỗn số, số thập phân	Nhận biết: - Biết thứ tự thực hiện phép tính cộng trừ nhân chia Thông hiểu: - Biết đổi hỗn số, phần trăm ra phân số, rồi thực hiện các phép toán nhân, chia phân số để tìm x	1(TL)	1(TL)		
2	Toán thực tế	Bài toán về tỉ số phần trăm	Nhận biết: - Áp dụng công thức tính tỉ số phần trăm để giải quyết vấn đề thực tế	1(TL)			
		Tỉ số và tỉ số phần trăm	Vận dụng: - Vận dụng cách tính tỉ số và tỉ số phần trăm để giải quyết vấn đề thực tế			1(TL)	
3	Các hình học cơ bản	Đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng	Thông hiểu: - Biết được trung điểm của đoạn thẳng suy ra độ dài		1(TL)		
		Góc, số đo góc, các	Nhận biết:	1(TL)	1(TL)		

		góc đặc biệt	- Xác định được góc, đọc tên góc và tia của góc Thông hiểu: - Dùng thước đo góc để đo được số đo mỗi góc				
4	Một số yếu tố xác suất	Phép thử nghiệm, sự kiện, xác suất thực nghiệm	Nhận biết: - Từ bảng thống kê, tính được xác suất thực nghiệm. Vận dụng: - Từ bảng thống kê, liệt kê theo yêu cầu đề bài	1(TL)		1(TL)	
Tổng số câu				5 câu	4 câu	3 câu	1 câu
Tỉ lệ %				40%	35%	20%	5%
Tỉ lệ chung				75%		25%	